

Số: 966 /TB-BVĐK

Thái Bình, ngày 11 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Thành Phố Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 02 phần: **vật tư y tế; hoá chất định danh nuôi cấy làm kháng sinh đồ năm 2025 - 2026 của gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất vật tư xét nghiệm, hoá chất định danh nuôi cấy làm kháng sinh đồ năm 2025 -2026.** Cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa TP Thái Bình. Địa chỉ: Số 355, đường Trần Lãm, Phường Trần Lãm, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds CKI Bùi Duy Duyn – Trưởng khoa Dược. Sdt: 0912.992.206. Email: Duyndhn@gmail.com
 - Cách tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược Bệnh viện đa khoa Thành Phố Thái Bình: Địa chỉ: Số 355, đường Trần Lãm, Phường Trần Lãm, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 - Nhận qua Email: Duyndhn@gmail.com
 - Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm phát hành trên trang thông tin điện tử của bệnh viện (<http://bvdktpthaibinh.vn>) đến trước 17h ngày 17/4/2025.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét
- Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2025.

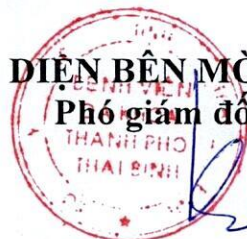
II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Mua sắm vật tư y tế, hoá chất định danh nuôi cấy làm kháng sinh đồ năm 2025 -2026 gồm 02 phần (nhà thầu gửi báo giá một, hoặc tất cả các phần của danh mục), (có phụ lục kèm theo).
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Thành Phố Thái Bình: Địa chỉ: Số 355, đường Trần Lãm, Phường Trần Lãm, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Thời gian giao hàng dự kiến, thanh toán: được thể hiện trong hợp đồng theo quy định khi có kết quả lựa chọn nhà thầu.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU
Phó giám đốc



Trần Thị Nguyệt

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2025 -2026
(Kèm theo Thông báo mời chào giá số: 966TB-BVĐK, ngày 11/4/2025)



STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
I. Vật tư y tế						
1	Bao cao su	Chất liệu : Được sản xuất từ Latex cao su thiên nhiên, bề mặt trơn nhẵn, siêu mỏng, duy trì khả năng co giãn và độ mềm mại. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	A	Cái	3.000	
2	Bột bó	Sản xuất bởi bột thạch cao màu trắng được pha loãng bao phủ hoàn toàn gạc thấm (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton); lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi nilong cách nước màu trắng. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 2-5 phút.. Dùng để cố định vết gãy trong chấn thương chỉnh hình. Kích thước 10cm x 4.6m	A	Cuộn	72	
3	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	B	Cái	5.000	
4	Bơm tiêm 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	B	Cái	30.000	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
5	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gây dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	B	Cái	200.000	
6	Bơm hút thai 1 van kèm ống hút thai số 4,5,6	Bơm dung tích 60 ml, phù hợp với ống hút mềm dẻo các cỡ từ 4 mm đến 6 mm không cần khớp nối. Có 1 khoá van. Có thể tháo được đầu van ra khỏi thân van, hãm bơm và gioăng cao su để vệ sinh. Kèm ống hút thai số 4,5,6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	B	Bộ	2	
7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2 dài 90 cm, kim tròn 40mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo đứt 6.35 kgf và lực tách kim chỉ 1.8 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	D	Sợi	600	
8	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6, màu đen số 3/0. Chiều dài chỉ 75 cm, kim tam giác 3/8c, chiều dài kim 24 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	D	Tép	600	
9	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi chất liệu polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6, số 4/0, sợi chỉ dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, kim dài 19 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	D	Tép	600	
10	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi chất liệu polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6, số 5/0, sợi chỉ dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, kim dài 16 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	D	Tép	240	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
11	Chỉ phẫu thuật nylon	Số 10/0 2 kim hình thang 3/8C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	D	Tép	240	
12	Cáp điện tim (dùng cho máy điện tim 6 cần)	Có các chuẩn AHA và IEC Cáp điện tim nối trực tiếp vào máy có các chuẩn Banana, loại kẹp (Pinch), loại bấm (Snap), loại thẳng (needle). Chất liệu: Cáp bằng TPU chất lượng cao, 2.5+0.9m, màu xám; vật liệu PVC y tế chống kéo giãn; chân cắm mạ vàng. Bộ điện cực hút trước ngực dùng cho máy điện tim : chất liệu Niken, Đường kính đầu cắm: 3mm/4mm, Đường kính hút: 28mm. Bộ điện cực kẹp chỉ dùng cho máy điện tim : chất liệu Niken, Đường kính đầu cắm: 3mm/4mm, Mũi của 4 điện cực theo chuẩn IEC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	C	Bộ	5	
13	Dụng cụ phẫu thuật trĩ theo phương pháp Longo	Cắt theo phương pháp Longo, đường kính ngoài 32-40mm, đường kính trong 22-24mm, chiều cao ghim 3.8mm - 4.0 mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	B	bộ	30	
14	Đầu côn vàng	,- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip trơn (không khía) hoặc đầu tip sần (có khía). Không vô trùng, không kim loại, không DNase, RNase. - Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml) - ISO 13485	A	Cái	30.000	
15	Mask thở khí dung	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	A	Bộ	1000	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
16	Máy đo huyết áp	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20~300mm Hg Độ chính xác ± 3 mmHg Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao Vòng vít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ G7.	A	Chiếc	40	
17	Ống nghe huyết áp	..- Ống nghe có hệ thống dây dẫn khí hình chữ Y làm bằng chất liệu cao su tổng hợp (PVC) chống oxy hóa. - Tai nghe có độ khuếch đại âm thanh lớn, nghe êm, đầu nghe có bọc nút nhựa màu trắng không đau tai - Ống nghe hai tai làm bằng kẽm mạ crom cách âm tốt, độ bền cao. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7.	A	Chiếc	40	
18	Máy khí dung	Kích thước: 170(rộng) x 103(cao) x 182(dây) mm Nguồn điện tiêu thụ: 230V, 50/60Hz Kích thước hạt khí: Khoảng 3 μ m (Đường kính trung bình khí động học) Dung tích cốc thuốc tối đa: 7 ml Tốc độ phun: Khoảng 0,4 ml/phút (theo trọng lượng hao hụt) Trọng lượng: Khoảng 1.9 kg (chỉ tính máy nén khí)	B	Chiếc	20	
19	Nhiệt kế thủy ngân	Làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân Đạt tiêu chuẩn ISO13485	A	Cái	360	
20	Lưới thoát vị bẹn	- Lưới điều trị thoát vị được làm bằng chất liệu polypropylene, kích thước 6 x 11 cm - Cấu trúc lỗ mở lớn giúp tăng cường khả năng kết hợp tối đa - Cấu trúc thành mỏng với ít vật liệu để giảm khả năng tạo sẹo và giảm thiểu sự khó chịu của bệnh nhân. - Vật liệu polypropylene bền, chắc duy trì mức độ chắc chắn và tránh các vấn đề xảy ra với lưới tổng hợp - Cấu trúc lỗ mở trong suốt thuận tiện trong việc quan sát và kết hợp nhanh đối với cấu trúc mô nằm phía dưới	C	Miếng	50	
21	Hộp đựng vật sắc nhọn	.. Hình hộp chữ nhật - Vật liệu làm hộp: Carton 2 mặt phủ màng PE - Độ dày thành hộp: 1,3-1,4 mm - Kích thước ngoài: + Trước khi lắp ráp CxDxR (mm): 580x284x3,85 + Sau khi lắp ráp CxDxR (mm): 275x160x125 - Khối lượng hộp rỗng: 300g - Kích thước lỗ thả Bơm tiêm: Đường kính lỗ thả kim tiêm 36 $\pm$ 1mm, có nắp đóng mở	A	Cái	2.000	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
22	Túi đựng nước tiểu 2 Lít	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố - Xuất xứ: Việt Nam	A	Cái	500	
23	Thông Nelaton các số	Ống thông tiểu Nelaton các số 8, 10, 12, 14. Dây có chiều dài 40cm. Cao su thiên nhiên, 1 nhánh, phủ silicon, tròn đều. Đầu nhỏ với 2 lỗ thông bơm - hút dịch. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng.	B	Cái	200	
24	Kim cánh bướm các cỡ	Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	B	Cái	60.000	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
25	Kim châm cứu các số	,- Thân kim được làm bằng chất liệu thép chuyên dụng, dẫn điện tốt, có hiệu suất tốt chống ăn mòn. Kim sử dụng thép y tế không gỉ 06Cr19Ni10(S304), có khả năng chống ăn mòn tốt nếu được bảo quản trong điều kiện tiêu chuẩn - Thân kim có một xoắn tròn để dẫn điện - Thân kim không bị nứt, gãy hay tách lớp. Thân kim được quấn chặt quanh 1 trục gá có đường kính gấp 3 lần thân kim - Đầu kim vát sắc nhọn, giảm được lực cản khi châm qua da, thuận tiện, không gây đau đớn cho người dùng khi làm thủ thuật. Đầu kim không có bị móc hoặc uốn cong nào sau khi tác động mức áp lực và lực châm tiêu chuẩn - Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét không có vết nhám, gờ, ria gai hoặc móc - Áp lực chịu tác động của kim: 0,4N-0,6N. Lực châm: 0,7N-0,9N - Độ cứng của thân kim: (480-650)HV theo thang đo Vicker. Bề mặt kim bóng láng $\leq 0.63 \mu\text{m}$ - Kim được đóng gói vô trùng, dùng 1 lần, được khử trùng hợp lệ, đảm bảo độ vô trùng SAL10-6 - Thiết kế an toàn, dễ sử dụng, tiết kiệm thời gian. Dùng một lần hoặc hấp sấy nhiều lần. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	B	Cái	100.000	
26	Kim luồn tĩnh mạch các số	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim (Nguyên liệu có xuất xứ từ thương hiệu G7) Tổng chiều dài kim : 82,27 đến 82,83mm đối với các số từ 14G-24G Độ dài vát mặt kim: 2,51 đến 2,71 Lực đâm: 125.00 gf Độ cứng: 0,23 đến 0,35mm - Kim có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Kim được cắt vát, sắc. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim 72h.	B	Cái	10.000	
27	Kim tiêm, kim lấy thuốc các số	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	B	Cái	50.000	
28	Ống Dẫn Lưu Thông Niệu Đạo Phủ Silicon	Thông nước tiểu. Làm từ cao su tự nhiên · Được phủ 1 lớp silicone · Size: Fr14; Fr16; Fr20; Fr22; Fr24; Fr26; Fr28 ..Ống thông tiểu Sond Pezzar	A	Cái	100	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
29	Ống đo tốc độ lắng máu	.- Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đóng gói: 100 ống/ khay - Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.	A	Ống	10.000	
30	Ống thông khí tai các cỡ	Ống thông khí chất liệu Fluoroplastic với các đường kính 0,76mm và 1,14mm dùng cho trẻ dưới 12 tuổi, ống có đường kính 1,27mm dùng cho trẻ trên 12 tuổi và người lớn. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	B	Cái	100	
31	Ống thông niệu quản	Sonde niệu quản (sonde chữ J) số 7 - Chất liệu: Polyurethane, tráng silicon, dài 16cm-30cm, hai đầu mở hình chữ J màu cam. Tương thích sinh học, ma sát thấp, có khả năng chống xoắn, chất cặn bám thấp và cản quang tốt. - Tiệt trùng bằng khí EO - Được đánh dấu mỗi 10cm - Bộ sent niệu quản bao gồm: stent, que đẩy, dây dẫn phủ PTFE, kẹp Stent: - Sent được làm từ vật liệu polyurethane y tế. Móng, linh hoạt, bền và trơ về mặt hóa học. Bề mặt: - Đầu thuận nhọn và trơn nhẵn giúp dễ dàng chèn vào và di chuyển hiệu quả quanh các vật cản. - Có cản quang tia X - Sent mềm tại nhiệt độ cơ thể, tạo cảm giác thoải mái và giảm ma sát - Hai đầu có lỗ, lòng trong lớn hơn để giúp dẫn lưu và duy trì sự thông suốt. - Có đánh dấu bằng quang để xác nhận vị trí Đầu cuộn tròn: - Đầu cuộn tròn để ngăn không bị xô lệch vị trí - Đầu trên cuộn trong thận và đầu dưới cuộn bên trong bàng quang để tránh xô lệch - Stent linh hoạt, theo các chuyển động khác nhau của cơ thể - Lỗ ở hai đầu mượt mà, giúp dễ dàng dẫn nước tiểu ra ngoài. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	B	Cái	50	
32	Ống eppendorf	.- Ống làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân đạt độ kín cao, chưa tiệt trùng, không có nhãn - Chia vạch thể tích đến 1.5ml - Quy cách: túi 500 chiếc - Mã hàng hóa: CT-18 - ISO: 13485	A	Cái	10.000	
33	Ống sample cup	.- Được làm bằng nhựa PS (Polystyrene) chất lượng cao, không chứa kim loại. Kích thước: (dài) 3.8cm x (đường kính miệng) 1.6cm x (đường kính đáy) 1cm - Dùng mẫu cho máy đông máu. - Tương thích cho máy Hitachi 7150 và 7060	A	cái	10.000	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
34	Súng cắt bao qui đầu	.- Dùng một lần tránh lây nhiễm chéo - Vận hành bằng một tay, cắt trong 1 phút, tiện dụng - Có âm thanh khi cắt, xác nhận hoàn thành - Với miếng đệm bảo vệ vết cắt, khâu tự động không chảy máu, vết cắt nhanh chóng lành - Vết mổ nhanh lành, ghim tự động được lấy ra sau 7 ngày - Cấu trúc đáng tin cậy và công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả	B	Cái	50	
35	Phin lọc khuẩn	Chất liệu filter: Polypropylene Chất liệu vỏ: K-resin/ABS trong suốt, dễ quan sát. Tidal Volume: 150-1500ml Trờ kháng (pa): 50@30L/phút Hiệu quả lọc khuẩn (%): 99,9999% Hiệu quả lọc virus (%): 99,9999% Khối lượng (g): 23g Khoảng chết: 25ml Có cổng lấy mẫu khí, cổng có nắp gắn liền. Đã được tiệt trùng.	A	Cái	300	
36	Quả bóp huyết áp	Chất liệu cao su cao cấp, giúp cho người đo có cảm giác vừa tay và nhẹ nhàng khi bơm khí. Màu xanh, van bằng thép không gỉ. Là phụ kiện thay thế cho quả bóp bị hỏng trong máy đo huyết áp cơ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	A	Chiếc	20	
37	Que đơ lưỡi gỗ	Chất liệu: Gỗ. Chiều dài: 15cm. Chiều rộng: Khoảng 2.2cm Que đơ lưỡi từ lâu là sản phẩm khá phổ biến, có công dụng khám miệng, lưỡi, họng hiệu quả. (100 cái /hộp)	A	Cái	2.000	
38	Test thử đường nhanh	Sử dụng men que thử GDH-FAD cộng 2 tín hiệu điện. Xác định HCT bằng tín hiệu điện xoay chiều (AC) và đo lượng Glucose bằng tín hiệu điện 1 chiều DC. Không bị ảnh hưởng bởi đường maltose, lactose, nồng độ khí Oxy. Khoảng đo: 0.5-38.9 mmol/L (10-700mg/dL). Lượng mẫu máu: 1.0µL. Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70%. Thời gian thử 5 giây. Bảo quản ở nhiệt độ thường	C	Test	2.000	
39	Test thử thai	.- Test thử : Kháng thể đơn dòng kháng hCG-α, Kháng thể đơn dòng kháng hCG-β, Kháng thể dễ kháng IgG chuột, HAUCl4, Na2HPO4, NaH2PO4, Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, Na2CO3. - Cốc làm từ nhựa nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.	A	Test	1.000	
40	Bình làm ấm oxy	Chiều cao : 16cm / 6.3 Đường kính miệng chai 7cm / 2.76	Không phân loại	Cái	10	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
41	Tấm dán điện xung	,- Hình oval, chất liệu cao su, 1 mặt dính. - Kích thước 4.4 x 6.0cm (±5%) - Quy cách đóng gói 2 tấm/túi (bán theo số lượng chẵn)	Không phân loại	cái	500	
42	Mũi lấy cao răng siêu âm	Chất liệu được làm bằng thép gi, phù hợp với máy lấy cao.	Không phân loại	Cái	15	
43	Miếng đệm bọc điện cực	Túi đựng điện cực thấm nước là túi đựng các đầu điện cực của thiết bị vào bên trong sau đó tiếp xúc vào vùng cần trị liệu của cơ thể bệnh nhân.	Không phân loại	Túi	500	
44	Hộp hấp bông, hấp dụng cụ, các cỡ.	Hộp hấp tròn, hộp hấp hình chữ nhật, có lỗ, có cửa sổ đóng mở, đường kính các cỡ dùng để hấp bông, gạc, vải, dụng cụ trong y tế. Kích thước : Đường kính 30cm cao 17cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.	Không phân loại	Cái	10	
45	Ống hút phẫu thuật nhựa	Được làm bằng nhựa TPC : Chất liệu nhựa chất lượng cao, an toàn và dẻo dai màu trắng, đầu ống hút cong, thu nhỏ để có thể hút được dịch máu ở những góc hẹp trong khoang miệng. Là ống hút được sử dụng một lần cho một bệnh nhân phẫu thuật. Chiều dài: 16cm. Đường kính đầu nhỏ - đầu hút: các cỡ (2,5mm, 3,8mm, 4mm)	Không phân loại	Cái	1.000	
46	Giấy điện tim 6 cần	Dùng cho máy điện tim 6 cần. Kích thước 110mmx140mm có dòng kẻ. SP đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008	Không phân loại	Xấp	600	
47	Giấy Monitor sản khoa	,- Dạng tập, Kích thước 152 x 90mm , chất liệu bằng giấy in nhiệt dùng trong y tế, tương thích với máy máy monitor sản khoa. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Không phân loại	Xấp	50	
48	Vò bình Oxy 8 lít	,- Vò bình được làm bằng chất liệu thép nguyên khối có độ dày yêu cầu, đảm bảo độ bền và độ cứng cao, sử dụng lâu dài, không bị hư hỏng. - Áp xuất làm việc: 150 bar - Dung tích: 8 lít - Van được làm bằng đồng thau, chống ăn mòn, đảm bảo được độ kín. Có thể tháo rời và linh hoạt sử dụng phù hợp với sản phẩm	Không phân loại	Chai	5	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
49	Vò bình CO2 40 lít	,- Vò bình được làm bằng chất liệu thép nguyên khối có độ dày yêu cầu, đảm bảo độ bền và độ cứng cao, sử dụng lâu dài, không bị hư hỏng. - Dung tích: 40 lít - Van được làm bằng đồng thau, chống ăn mòn, đảm bảo được độ kín. Có thể tháo rời và linh hoạt sử dụng phù hợp với sản phẩm	Không phân loại	Chai	3	
50	Acid acetic	Acid acetic Nồng độ 3%. Dùng trong sản khoa, nội soi. Đóng gói: 500ml/chai	Không phân loại	Chai	4	
II: Khoanh giấy kháng sinh đồ và chủng chuẩn						
1	Khoanh giấy Cefotaxime	Khoanh giấy Cefotaxime nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
2	Khoanh giấy Ceftazidime	Khoanh giấy Ceftazidime nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
3	Khoanh giấy Azithromycin	Khoanh giấy Azithromycin nồng độ 15µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
4	Khoanh giấy Penicillin	Khoanh giấy Penicillin G nồng độ 10 unit Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	3	
5	Khoanh giấy Cefuroxime	Khoanh giấy Cefuroxime sodium nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
6	Khoanh giấy Cefazolin	Khoanh giấy Cephazolin nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	2	
7	Khoanh giấy Amoxicillin+A.clavulanic	Khoanh giấy Amoxycillin/clavulanic acid nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
8	Khoanh giấy Ampicillin + Sulbactam	Khoanh giấy Ampicillin/Sulbactam nồng độ 20µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	2	
9	Khoanh giấy Erythromycin	Khoanh giấy được tẩm Erythromycin có nồng độ 15µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
10	Khoanh giấy Clindamycin	Khoanh giấy Clindamycin nồng độ 2µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
11	Khoanh giấy Vancomycin	Khoanh giấy Vancomycin nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
12	Khoanh giấy Gentamicin	Khoanh giấy Gentamicin nồng độ 120µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
13	Khoanh giấy Amikacin	Khoanh giấy Amikacin nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	2	
14	Khoanh giấy Ciprofloxacin	Khoanh giấy Ciprofloxacin nồng độ 5µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
15	Khoanh giấy Ofloxacin	Khoanh giấy được tẩm Ofloxacin có nồng độ 5µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
16	Khoanh giấy Levofloxacin	Khoanh giấy Levofloxacin nồng độ 5µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
17	Khoanh giấy Trimethoprim/Sulfamethoxazole	Khoanh giấy Trimethoprim/Sulfamethoxazole 1:19 nồng độ 25µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
18	Khoanh giấy Oxacillin	Khoanh giấy Oxacillin nồng độ 1µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	3	
19	Khoanh giấy Imipenem	Khoanh giấy Imipenem nồng độ 10µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	3	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
20	Khoanh giấy Bacitracin	- Khoanh giấy Bacitracin được sử dụng để phân biệt liên cầu khuẩn Lancefield nhóm A với các liên cầu tan huyết β khác. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $\leq 2\%$ - Đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 13485	A	Hộp	2	
21	Khoanh giấy Cefoxitin	Khoanh giấy Cefoxitin nồng độ 30μg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $< 2\%$, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	3	
22	Khoanh giấy Tobramycin	Khoanh giấy Tobramycin nồng độ 10μg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $< 2\%$, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	2	
23	Khoanh giấy Nitrofurantoin	Khoanh giấy Nitrofurantoin nồng độ 300μg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $< 2\%$, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	2	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
24	Khoanh giấy Optochin	Khoanh giấy tẩm Optochin (ethylhydrocuprein hydrochloride) để phân biệt Streptococcus pneumonia. Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	2	
25	Khoanh giấy ceftriaxone	Khoanh giấy Ceftriaxone nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	A	Hộp	4	
26	Chủng vi khuẩn chuẩn S.aureus ATCC 25923	- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 25923 - Đóng gói: Túi/5 que - Bảo quản: 2-8°C - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Không áp dụng	Túi	2	

STT	Tên VTYT	Mô tả kỹ thuật	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
27	Chủng vi khuẩn chuẩn E.coli ATCC 25922	- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922 - Đóng gói: Túi/5 que - Bảo quản: 2-8°C - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Không áp dụng	Túi	2	
28	Khoanh giấy XV	- Khoanh giấy yếu tố X+V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $\leq 2\%$ - Đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 13485	A	Hộp	2	
29	Khoanh giấy yếu tố V	- Khoanh giấy yếu tố V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $< 2\%$, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói: Hộp/5 x 50 khoanh	A	Hộp	2	
30	Khoanh giấy yếu tố X	- Khoanh giấy yếu tố X dùng để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus spp. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $< 2\%$, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói: Hộp/5 x 50 khoanh	A	Hộp	2	

